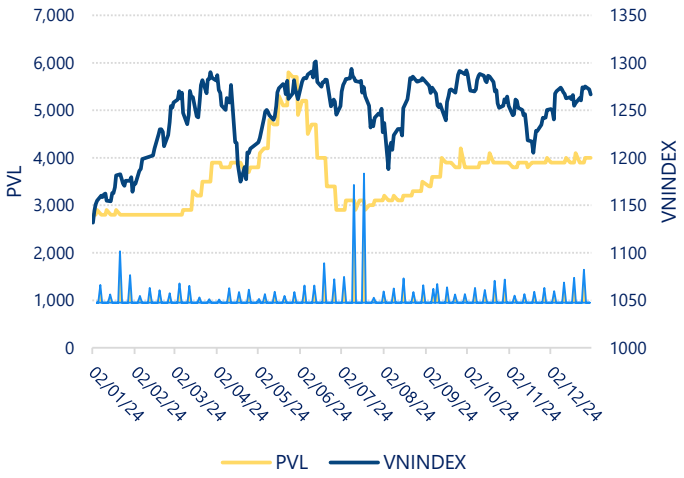
KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	4,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.6%	**5.3%**	**29.0%**

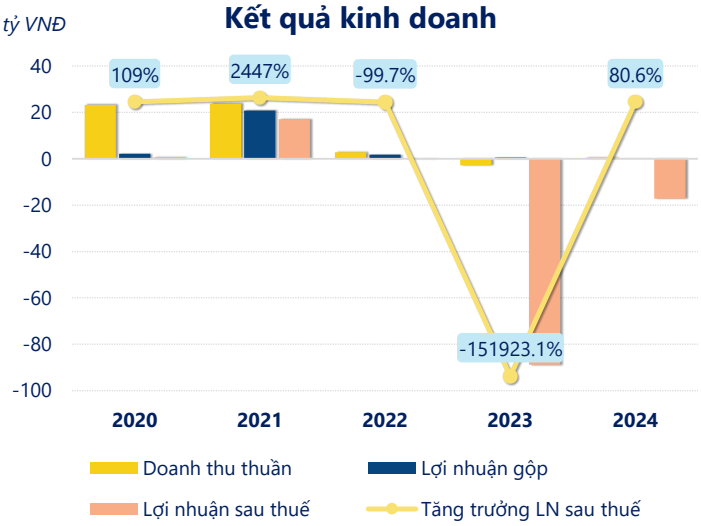
	2024	YoY
DT thuần	**0.50** *tỷ VNĐ*	▲ 3.30 ▲ 118%
LN gộp	**0.16** *tỷ VNĐ*	▼ 0.29 ▼ 64.4%
LN thuần	**-17.1** *tỷ VNĐ*	▲ 70.8 ▲ 80.5%
LN sau thuế	**-17.2** *tỷ VNĐ*	▲ 71.6 ▲ 80.6%

	2024	+/- YoY
ROE	**-11.1%**	▲ 31.5%
ROA	**-8.2%**	▲ 20.1%

Lịch sử giá

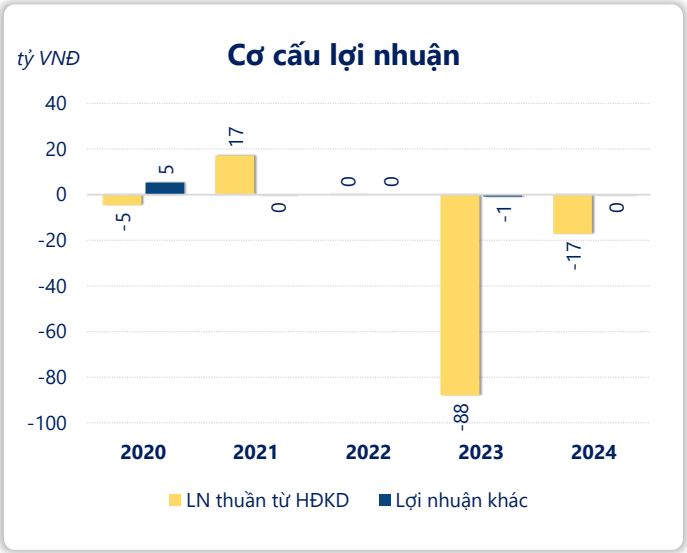


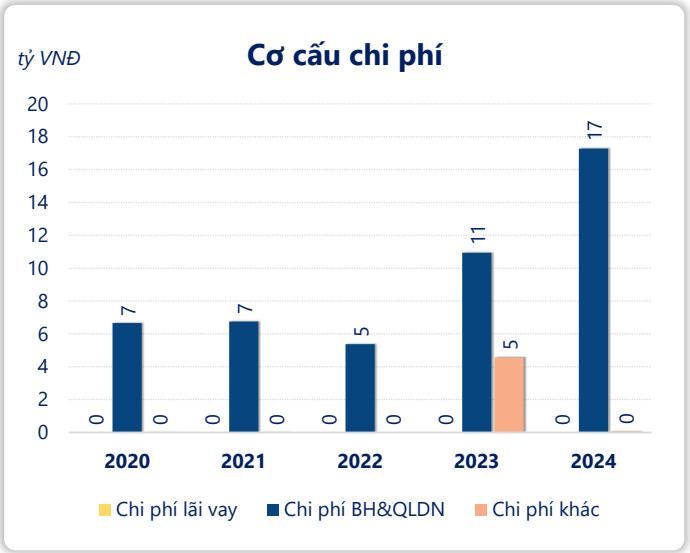
Kết quả kinh doanh



Kết quả kinh doanh **PVL** năm **2024**, doanh thu thuần **tăng mạnh 118%** đạt **0.50** tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế **tăng mạnh 80.6%** đạt **-17.21** tỷ đồng.

Doanh thu có sự tăng trưởng nhưng không đủ bù đắp các chi phí khiến lợi nhuận âm, dẫn đến **ROE** bằng -11.1% là dấu hiệu của tình hình kinh doanh đang xấu đi.

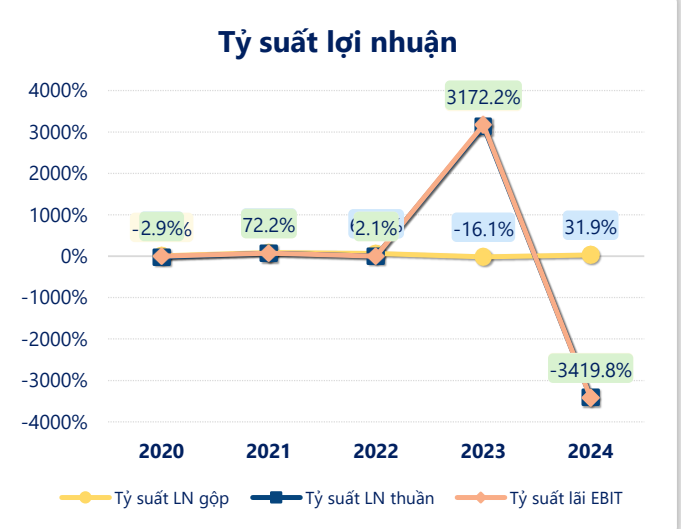


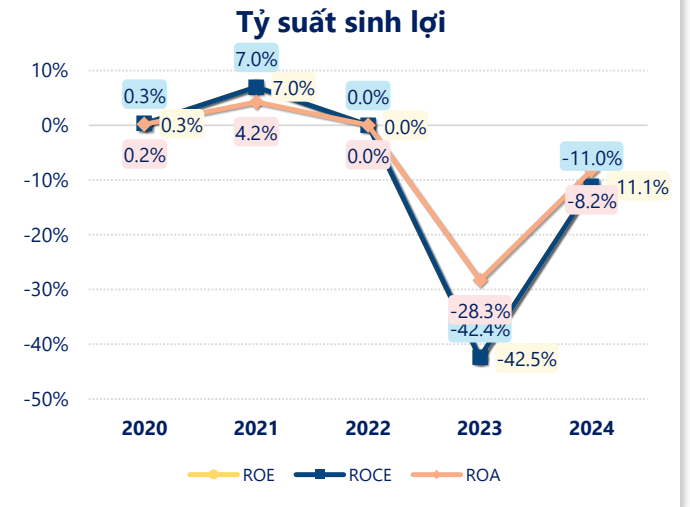


Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh của **PVL** năm **2024 tăng lên 70.81** tỷ so với năm trước, nhưng vẫn lỗ 17.14 tỷ đồng. Khoản lỗ lớn nhất từ hoạt động kinh doanh trong 5 năm trở lại đây ghi nhận vào năm **2023** là 87.95 tỷ đồng. Cho thấy dấu hiệu tiêu cực trong hoạt động kinh doanh của công ty trong những năm gần đây.

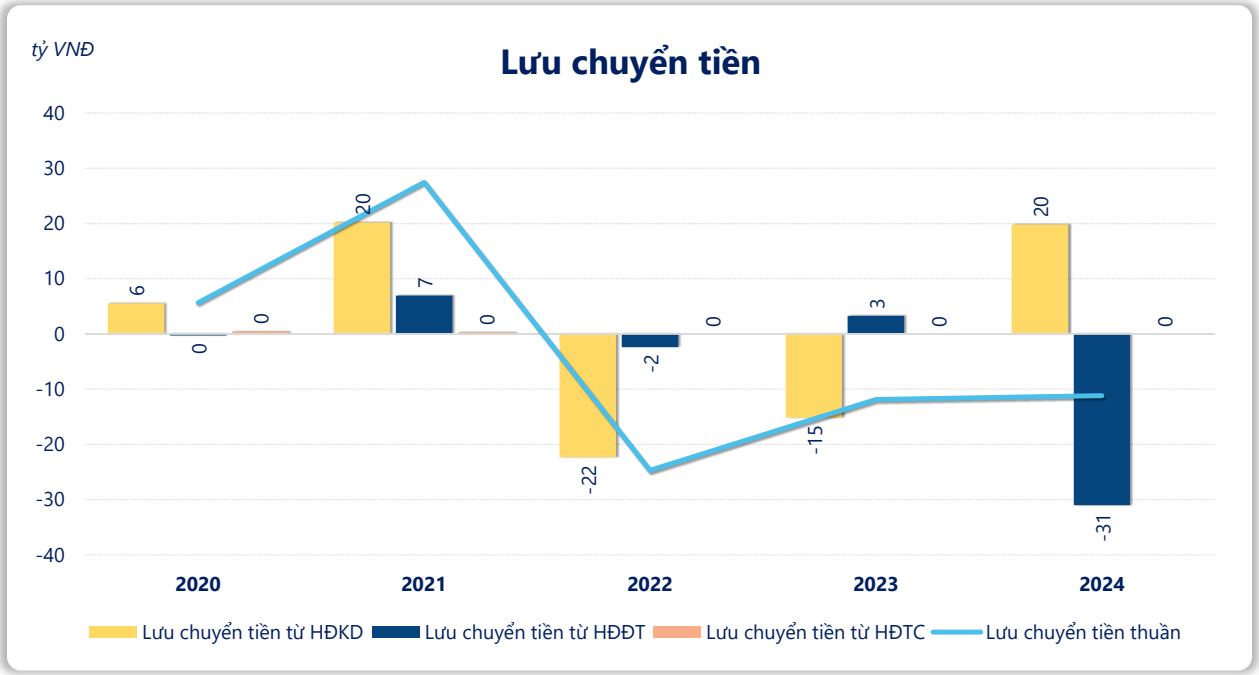
Chi phí lãi vay không đổi so với năm trước bằng **0.00** tỷ đồng. Nhưng **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng lên** ở mức **17.27** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **0.07** tỷ đồng, **giảm xuống** so với năm trước.

ROE của PVL năm 2024 **tăng trưởng** so với năm trước đạt giá trị bằng **-11.1%**, tuy nhiên vẫn **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**23.2**	**23.7**	**2.77**	**-2.80**	**0.50**
Giá vốn hàng bán	21.0	2.98	0.93	-3.25	0.34
Lợi nhuận gộp	**2.24**	**20.8**	**1.84**	**0.45**	**0.16**
Doanh thu HĐTC	0.49	4.19	7.10	0.47	0.28
Chi phí TC	0.67	1.06	3.51	77.9	0.31
Chi phí lãi vay	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.65	6.75	5.37	10.9	17.3
LN thuần từ HĐKD	**-4.59**	**17.1**	**0.06**	**-87.9**	**-17.1**
Lợi nhuận khác	5.26	-0.01	0	-0.86	-0.07
LN trước thuế	**0.67**	**17.1**	**0.06**	**-88.8**	**-17.2**
Lợi nhuận sau thuế	**0.67**	**17.1**	**0.06**	**-88.8**	**-17.2**
LNST của CĐ cty mẹ	**0.67**	**17.1**	**0.06**	**-88.8**	**-17.2**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của PVL bằng **-11.20** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (-11.90 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **19.81** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-31.01** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **0.00** tỷ đồng.